

MỘT SỐ THUẬT NGỮ NHÂN LOẠI HỌC VĂN HÓA

TÊN GỌI THÂN TỘC

Xã hội có nhiều người mẹ và xã hội chỉ có 1 người mẹ. Tên gọi thân tộc mang ý nghĩa gì?

Morgan và loại hình tên gọi thân tộc làm cơ sở của tiến hóa luận

Tiếng Việt và tiếng Anh đều có hệ thống tên gọi phân biệt bố và chú bác, mẹ và cô dì, anh em ruột và anh em họ. Tuy nhiên trong tiếng Hawaii, người ta sử dụng tên gọi mà không có sự phân biệt như vậy. Người phát hiện ra sự khác nhau này trong tên gọi chi họ hàng giữa các xã hội và bắt đầu nghiên cứu loại hình tên gọi thân tộc chính là L.Morgan. Ông đã gọi hệ thống như ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Việt là loại mang tính ghi chép, còn hệ thống như ngôn ngữ Hawaii là loại mang tính phân loại. Hệ thống mang tính phân loại này còn được chia thành loại hình Malay (hệ thống Hawaii), loại hình Torano-Ganowania (hệ thống phân biệt tên gọi anh chị em họ), trên cơ sở đó Morgan đã đưa ra 3 loại hình hệ thống tên gọi. Ông cho rằng hệ thống tên gọi thân tộc vừa là phương thức nhận biết quan hệ phả hệ, đồng thời vừa là sự thể hiện tính chất của tổ chức thân tộc. Ví dụ loại hình tên gọi Malay được coi là bằng chứng của sự tồn tại kiểu kết hôn anh chị em trước đây, để từ đó tường định về tiến hóa luận trong đó liên kết tên gọi thân tộc với chế độ gia đình và chế độ kết hôn.

Murdock và sáu loại hình trên cơ sở tên gọi anh chị em họ

R.Lowie tiếp thu một cách phê phán quan điểm tiến hóa luận của Morgan trong sự chú ý đến lý luận nội tại của hệ thống thân tộc từ đó đưa ra 4 loại hình khác. G.Murdock đã tiếp thu các loại hình này của Lowie và trên cơ sở thu thập một khối lượng khổng lồ các tư liệu dân tộc chí ở khắp nơi trên thế giới, ông đã tiến hành so sánh, phân tích và phân loại thành 6 kiểu dạng dựa trên cơ sở tên gọi anh em họ như trong bảng⁽¹⁾. Ông đã coi loại hình Eskimo là đặc trưng cho xã hội song hệ, loại hình Kuro là đặc trưng cho xã hội mẫu hệ, và loại hình Omaha (Trung Mỹ) là đặc trưng của xã hội phụ hệ, từ đó đưa ra những nhận định về tính liên quan giữa tên gọi thân tộc và tổ chức xã hội. Các loại hình này so với những nghiên cứu trước đó thì chi tiết, tinh vi hơn nên mang tính cách mạng nhưng vẫn còn thiếu sót ở chỗ chỉ dựa vào tên gọi anh em họ làm tiêu chuẩn thì vẫn còn nên cũng có chỗ không tương hợp nếu xét trên toàn bộ hệ thống tên gọi.

Phân tích quy tắc đồng đẳng

F. Lounsbury và H.Scheffler đã xếp tên gọi thân tộc vào vị trí phương pháp nhận biết thân tộc thể hiện quan hệ vị trí trên phả hệ, từ đó đã phát triển một phương pháp phân tích áp dụng toàn bộ tên gọi thân tộc. Đó là phương thức phân tích quy tắc đồng đẳng theo lập trường phân loại thân tộc được triển khai lấy bản thân làm trung tâm, trong khi bản thân những từ ngữ của tên gọi thì lại được phân loại như là một hệ thống ngôn ngữ. Theo cách phân

tích đồng đẳng, mỗi tên gọi được dùng để chỉ một số người ở các thế hệ khác nhau và loại hình thân tộc gần nhất với bản thân thì có ý nghĩa trung tâm của tên gọi đó (như F được quy định là tên gọi của Bố),

còn các loại hình thân tộc khác là thứ phái sinh từ trung tâm đó. Thêm vào đó còn quy định một vài “nguyên tắc cơ bản” nhằm quy những cái phái sinh về ý nghĩa trung tâm.

Bảng 1: Phân loại của Murdock

	FZD=MBD	CC=PC	CC=Z	PC=Z	Ngoài ra
Loại Eskimo	(+)	+	-	-	
Loại Hawaii	+	+	+	+	
Loại Iroquoi	+	-	-	(+)	
Loại Sudan	-	-	-	-	
Loại Ohama	-	-	-	Φ	Nhưng FZD=ZD, MBD=MZ,
Loại Kuro	-	-	-	Φ	Nhưng FZD=FZ, MBD=BD

FZD: father'sister'daughter; MBD: mother'brother'daughter, Z: sister

CC: cross-cousin, PC: parallel-cousin

=: có ý nghĩa là cùng sử dụng 1 tên gọi

+: khẳng định; -: phủ định; (+) trường hợp thường không thể khẳng định nhưng thông thường là khẳng định

Φ : trường hợp Murdock không đề cập

Ví dụ tên gọi tama của xã hội Trobriand chỉ FZS (con trai của chị em bố), FB (anh em bố) và bố (F). Ý nghĩa trung tâm của từ tama này được coi là F. Và khi định ra nguyên tắc cơ bản là theo “nguyên tắc đi nghiêng” chị em của bố có tên gọi giống với mẹ của bố (FZ → FM) và theo nguyên tắc “nửa anh em” thì con trai của mẹ có tên gọi giống với anh em (MS → B), có thể quy được về F như sau: FZS → FMS → FB → F. Phương pháp phân tích này giúp cho người ta có thể ghi chép được hệ thống tên gọi phức tạp của các xã hội cá biệt nếu quan tâm tới sự biến đổi diễn ra theo sự kết hợp một số nguyên tắc có giới hạn đã được rút ra.

Vấn đề chưa giải quyết được

Từ chỗ phê phán quan niệm coi tên gọi thân tộc có quan hệ vị trí trong phá hệ

giữa các cá nhân, E.R.Leach đã xếp các từ ngữ của tên gọi vào vị trí phạm trù xã hội phân loại tập thể con người. Phạm trù này là quan điểm coi sự hình thành, phân chia tập thể (do tiêu chuẩn xã hội quy định) theo nơi cư trú và xuất thân, hoặc quan hệ giữa người và người (được tiêu chuẩn xã hội quy định) theo quyền lợi và nghĩa vụ. R.Needham cũng đứng trên quan điểm coi hệ thống tên gọi là cách phân loại con người thể hiện một phạm trù vượt quá quan hệ phá hệ. Trên cơ sở đó ông đã làm rõ tính tương thích giữa tiêu chuẩn phân loại của hệ thống tên gọi và phạm trù có khả năng hay không có khả năng kết hôn theo quy định về họ hàng và hôn nhân. Tuy nhiên, có thể nói rằng trước sự phức tạp rắc rối của hệ thống tên gọi trong các xã hội cá biệt đa dạng, sự đối lập giữa

nhấn mạnh quan hệ phá hệ hay nhấn mạnh phạm trù vẫn chưa đi đến hồi kết.

THỜI GIAN

Thời gian như là văn hóa có rất nhiều cách biểu đạt và vấn đề lịch sử

Quan niệm thời gian khác nhau giữa các dân tộc

Trong nhân loại học văn hóa, liên quan đến thời gian có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Trước hết, trong các loại ngôn ngữ khác nhau, cách “điển đạt thời gian” có sự tranh cãi về vấn đề chế độ thời gian. Điều này có lẽ nhiều người trong chúng ta sẽ cảm nhận rõ khi lần đầu tiên học thể hiện tại hoàn thành của tiếng Anh. Đây là một ví dụ về sự khác nhau trong cách phân đoạn thời gian trong tiếng Anh và tiếng Việt. Hơn nữa, B.Whorf đưa ra ngôn ngữ của người Hopi dân bản xứ Mỹ, để nói rằng người Hopi không biết thời gian mang tính toán học mà nhà vật lý sử dụng, ví dụ lẽ ra phải nói là “Tôi đã ở lại 5 ngày” thì người Hopi lại nói “Tôi đã trải qua ngày thứ năm”, và kết luận là tiếng Hopi là “ngôn ngữ vô thời gian”. Mặt khác, J.Mbiti lại đề cập đến quan niệm thời gian truyền thống của người Phi da đen và cho rằng trong tiếng Kanba hệ Bantu là tiếng mẹ đẻ của ông thời gian được chia thành hai đoạn “quá khứ rất dài” và “hiện tại”, trên thực tế là không tồn tại thì “tương lai”.

Quan niệm thời gian của người Anh

Theo E.R.Leach, người Anh hiện đại có quan niệm thời gian lặp lại và quan niệm thời gian không lặp lại nhưng hai quan niệm này hình thành trên cơ sở hai

kinh nghiệm khác nhau thậm chí mâu thuẫn nhau về mặt lý thuyết. Cái trước bắt nguồn từ kinh nghiệm mặt trời mọc và lặn, bốn mùa thay đổi, cái sau hình thành trên cơ sở kinh nghiệm cuộc đời con người bắt đầu từ khi sinh ra, lớn lên và già yếu rồi chết đi. Tuy nhiên, khái niệm thời gian nguyên thủy nhất và cơ bản nhất, có lẽ là dựa trên khái niệm “lặp lại đối nghịch với tính đứt đoạn của sự vật”, tức là kinh nghiệm giống y như một con lắc có sự thay thế nhau giữa ngày và đêm, nóng và lạnh, khô và ướt. Đây là hiện tượng mà con người đã trải nghiệm bằng hình thức thay thế giữa thời gian lễ hội thiêng liêng với thời gian cuộc sống thế tục. Không cần phải nói thêm rằng, khái niệm thời gian như vậy là cái khác về bản chất với khái niệm thời gian mang “tính trực tuyến” của nhất thần giáo Sem từ sáng tạo hướng tới chấm dứt.

Quan niệm thời gian của người Nuer

Tương ứng với sự khác nhau về quan niệm thời gian có sự lặp đi lặp lại hay không lặp đi lặp lại, ở một mức độ nào đó, theo E.E.Evans-Pritchard, trong xã hội người Nuer ở miền Nam Sudan song song tồn tại hai loại thời gian, một là loại mang tính sinh thái phản ánh điều kiện tự nhiên, một là loại mang tính cấu trúc dựa trên những sự kiện xã hội. Thời gian mang tính sinh thái được quan niệm hóa bằng hình thức phản ánh sự khác nhau về hoạt động sinh nghiệp của người Nuer có liên quan mật thiết với sự chuyển đổi của tự nhiên như mùa mưa và mùa khô và sự tăng hoặc giảm lượng nước tương ứng, là sự lặp đi lặp lại như một chu kỳ trong thời gian 1

năm. Mặt khác, những sự kiện trong quá khứ vượt quá 1 năm là sự chuyển đổi của tự nhiên như lũ lụt, dịch bệnh và nạn đói, sự kiện trong ký ức như lễ nghi, công kích lớn do tập thể của mình tiến hành. Hơn nữa còn xác định thời đại đó một cách đại khái trong sự đề cập đến sự liên quan tới nhóm tuổi tác và thân tộc. Thời gian mang tính cấu trúc này đối với cá nhân thì không lặp lại mà dường như là cảm giác khái niệm thời gian tiến triển từ quá khứ tới tương lai, nhưng theo Evans-Pritchard thì thực ra đó là chỉ là ảo giác. Bởi vì đối với người Nuer, khái niệm này rất khó diễn đạt bằng con số mà được xếp vào niên đại ký một cách trừu tượng bằng mối quan hệ giữa sự việc này với sự việc khác.

Quá khứ được ghi lại bằng phương tiện ngoài chữ viết

Rõ ràng trong xã hội chưa có chữ viết việc ghi chép lại sự kiện bằng chữ, ý thức lịch sử sắp xếp các sự kiện này vào niên đại ký không thể hình thành, ngay cả về mặt định nghĩa. Tuy nhiên không phải vì thế mà nói rằng họ hoàn toàn không quan tâm đến những sự kiện trong quá khứ,

điều này có thể thấy rất rõ qua trường hợp của người Nuer. Trên thực tế, có khá nhiều báo cáo khác nhau về các xã hội có những phương pháp tái cấu thành lịch sử, “kỷ ức” về quá khứ bằng những tư liệu khác ngoài chữ viết.

Ví dụ, theo học giả Nhật Bản Fukui, trong xã hội body của người Etiopia, từ tri thức mang tính di truyền học dân gian liên quan đến màu sắc và hình dạng thân thể của con bò, từ những nghi lễ phun sữa lấy được từ một con bò nhất định có thể suy đoán được dòng chảy của lịch sử theo hoạt động chinh phục của tập thể tù trưởng. Ngoài ra, việc gìn giữ kỷ ức thông qua truyền miệng và những âm thanh khác, cách di chuyển nơi chốn và hàng lối trong tế lễ, nguyên tắc về cơ thể, hơn nữa từ cả sự trưng bày viện bảo tàng cũng có thể nghiên cứu lịch sử theo kiểu nhân loại học tìm hiểu ý thức con người trong quá khứ. Trong tương lai từ nay về sau, chắc rằng việc kết hợp giữa lịch sử và nhân loại học sẽ được thúc đẩy hơn một bước nữa.

Vũ Minh Chi